

## BẢN LUẬN 63

Trong ba tướng Bất tịnh, Đẳng lưu là cùng với phần uế làm tướng Đẳng lưu, tướng thứ nhất Thể là phần uế; tướng thứ hai là Phần uế đẳng lưu; tướng thứ ba chỉ có Sở y năng y của bốn Đại và Tạo sắc.

Có tám nhân duyên vứt bỏ đệ tử thân gần vì ganh ghét đệ tử:

1. Muốn tự thân thọ cung kính
2. Lợi dưỡng
3. Hủy phạm giới, tùy thuận mà vứt bỏ
4. Có thầy nhiều ích thì cần, thầy tổn giảm thì không cần
5. Giới
6. Định
7. Tuệ
8. Đối với sự việc và việc Tăng của đại chúng, đệ tử không thể nhẫn nại, tuy khéo đối với đại chúng, nhưng vì là đệ tử cho nên không nhẫn nại.

Lại cũng giải thích: Một là đệ tử ghét nên vứt bỏ, hai là lợi dưỡng và cung kính hợp chung, còn lại sáu loại thì đồng như trên.

Sơ thiền chướng trong đây, cùng với văn của Hiển Dương luận khác nhau, như Đối Pháp quyển 9. Tướng mặt trời trong Sở trị của bốn Tĩnh lự, thì Sơ định là trừ khổ, Nhị định cũng nói là trừ khổ, nói rằng: “Sở trị thứ nhất là trừ Hiện hành; Sở trị thứ hai là đoạn phần thế lực Thọ trọng; Sở trị thứ ba là mừng hôn hỷ, tức là Hỷ tăng thượng, loại trước là Thể, loại sau là Dụng tăng thượng.

Lại cũng giải thích đây là Tác ý duyên Hỷ mà sinh Tác ý rất mừng hôn hỷ, tánh của Định hạ liệt làm thành Hỷ này, tùy theo phương tiện Tuệ bất thiện xảo mà trong Đệ nhị thiền đáng lẽ có, thì lại khiến cho không có, cho nên nói là trừ tánh hạ liệt của Định. Trong Sơ thiền và Nhị thiền có Hỷ này, không thể nói là không hạ liệt, nhưng từng phần cũng được trừ tánh hạ liệt. “Bốn Tĩnh lự đối với Lạc mà phát ngộ”, tức là duyên Lạc mà khởi Tác ý, vì Lạc đến cùng cực, Tác ý duyên nó thì gọi là phát ngộ, tức là trong Tạp Tâm ghi rằng: “Đối với Duyên mà phát ngộ”. Hiển Dương ghi rằng: “Đối với Lạc mà Tác ý”.

**Luận ghi:** “Vì đối trị hạnh khổ của tự mình mà kiến lập Tĩnh lự”, một là đối trị khuyết giảm. Đối trị, là vì Khổ hạnh phiền não có thể đối trị Thánh đạo, có thể khiến cho Thánh đạo khuyết giảm, gọi phiền não này là khuyết giảm Đối trị, Tâm tứ có thể đối trị, gọi là đây là Đối trị. Từ câu “khuyết giảm...” trở xuống có thể hiểu.

**Luận ghi:** “Hỏi: Do đâu mà biết Khổ căn của Sơ tính lự chưa đoạn? Đáp: Vì thô trọng của phẩm kia chưa xa lìa, cho nên nếu gọi là Khổ căn đã đoạn, liền cùng với Tính lự thứ hai khi trụ thì không khác nhau”, Đại Nghĩa ghi rằng: “Phần thô trọng của Khổ căn cũng còn, khi đắc Đề nhị thiền thì mới hết”, là nói thô trọng của phẩm kia chưa lìa thô trọng, tức là tùy theo chỗ nương không có tánh đảm đương, chỉ vì ba Thức của Sơ thiền còn tồn tại, Hỷ chưa viên mãn thì thô trọng chưa hết, vì Khổ căn của ba Thức tùy thuận lẫn nhau, Hỷ cùng với Khổ căn trái ngược nhau, ba Thức trong Địa của Đề nhị thiền không có cho nên Hỷ rất viên mãn, do đó thô trọng đã trừ, nếu Sơ thiền đã lìa Khổ thô trọng tức là Hỷ viên mãn, nếu Hỷ đã viên mãn tức là không có ba Thức, thì đáng lẽ cùng với Tính lự thứ hai không khác nhau. Đoạn ở đây là đoạn tánh ý dựa Hữu lậu thô trọng... trên Khổ căn, không phải đoạn Chủng tử và Thức tương ứng, vì trước đó đã đoạn rồi. Nếu không có Chủng tử thiện, thì có thể nói Sơ thiền đã đoạn cùng với Hoặc đồng thời; nếu là Thiện vô ký, thì A-la-hán cũng còn phát khởi. Ở đây nói “đoạn” là chỉ đoạn tánh thô trọng trên, ví như sắt đen khi đưa vào lửa thì màu đen liền biến mất, vì cũng là màu đỏ sinh ra, khi ra khỏi lửa thì màu đen sinh lại, vì màu đỏ biến mất. Đoạn này cũng vậy, khi được nhập Nhị thiền thì Khổ căn thô trọng biến mất, vì không khởi ba Thức, Vô lậu đầy đủ thì Hỷ sinh khởi, khi ra khỏi Nhị thiền nhập lại Sơ thiền... màu đen sinh lại đầy đủ thì Hỷ không có. Như vậy mà hợp các pháp lại, thì Nhị thiền hữu lậu chế phục Khổ thô trọng Hữu lậu, Nhị thiền vô lậu thì đoạn Khổ thô trọng, vì có Vô lậu hỷ. Cho nên không phải hàng Bất thoái... có được, vì đây là nhập Sơ thiền thô trọng mà sinh ra.

**Luận ghi:** “Lại có bốn loại tu Tam-ma-địa”, Đại Nghĩa ghi: “Loại thứ nhất tức là hàng Hữu học kiến đế, trụ Vị lai thiền, cầu đắc Tĩnh lự căn bản; loại thứ hai tức là loại Dị sinh đã đắc Thiền định nhưng chưa đắc Ngũ thông, cầu đắc Sinh tử trí thông... loại thứ ba tức là hàng độn căn Kiến đế, ở tại Căn bản thiền cầu đắc lợi căn; loại thứ tư tức là Lợi căn kiến đế, cầu đắc quả Vô học”. Trong đây tại sao trong Kiến đế không có độn căn? Vì ở tại Vị lai thiền mà cầu Căn bản địa và lợi căn. Tại sao Dị sinh không có cầu Kiến đế? Kiến đế không cầu mà cầu Ngũ thông. Những người như vậy lại phỏng theo những chỗ như vậy, không phải pháp nhiếp hết được. “Lại nữa, độn căn của Kiến đế ở tại vị lai, không thể cầu nhập Căn bản và chuyển thành hạng lợi căn”, vì hạng Sơ căn trì độn, tu hành thì chậm chạp, cho nên lược bỏ không luận. “Không nói loại Dị sinh kiến đế”, vì đắc Ngũ thông là đầy đủ, trong đây lại nêu

ra Sinh tử trí thông thù thắng, vì biết các sự nhân quả vị lai. Cuối cùng không nói Ngũ thông của hàng Vô kiến đế... khác, vì những loại có đủ Ngũ thông cũng đều cầu Vô học. Hữu tình duyên Vô lượng, tức là đã đắc hữu tình duyên bốn Vô lượng.

**Luận ghi:** “Hoặc là khi Lạc thông hành tích chuyển chậm thì tuy đã Kiến đế...”, cho đến “trở lại thọ Tướng tâm tư của cõi Dục đang trụ Chánh niệm, đang khởi Chánh tri”, là vì độn căn này ở tại thiện pháp thọ Tướng tâm tư của cõi Dục, trụ Chánh niệm, trụ Chánh tri phiền não tuệ, tức là cầu lợi căn mà sợ thoái chuyển pháp. Thọ là Thọ tâm sở, có nghĩa là lãnh thọ, tăng thêm thọ pháp Lạc của cõi Dục. Tướng là tướng tượng, nắm lấy hình tượng, là cảnh giới của các pháp. Tư tức là thọ Tướng đồng thời với Tâm tư, vì ở trong đây mà khởi Chánh niệm tướng và mất niệm, cho nên phải khởi Chánh tri và sinh Phân biệt tuệ.

“Sáu loại Ly dục”, như Đối Pháp quyển 6 nói có mười loại, sự khai hợp không đồng nhau.

Mã Thắng, tức là Cựu Câu-xá gọi là A-du, thật ra phải nói là A-thấp-phước (Hán dịch là Mã), Phạt-đa (Hán dịch là Thắng) là Tỳ-kheo luận nghĩa với Phạm vương.

**Luận ghi:** “Lại có Bồ-đặc-già-la đã đắc Ly dục, từ Định khởi rồi, hoặc cùng một lúc Tam-ma-địa kia xen tạp lẫn nhau tác ý mà chuyển”, là thông với phàm phu và bậc Thánh, đã đắc chín Vô gián giải thoát đạo rồi thì trụ trong Thắng tấn đạo, hoặc trong cùng một lúc, tâm Thắng tấn đạo đó cùng với Tấn tâm xen tạp nhau mà khởi, Tấn tâm này hoặc là cõi Sắc trời buộc, thuộc Văn Tuệ... nhiếp, nếu không như thế thì Văn tư tuệ... của cõi Dục hoặc đồng thời với thuần Định tâm làm Thắng tấn đạo, không phải Vô gián giải thoát đạo. trụ trong Thắng tấn đạo, nếu gặp âm thanh duyên mạnh bên ngoài thì từ Định khởi lên Nhĩ thức mà duyên âm thanh, cùng với Định tâm Thức thứ sáu đồng thời chuyển, đây là chỉ có Nhĩ thức duyên, không có Thức thứ sáu cùng với Nhĩ thức đồng duyên một cảnh.

**Luận ghi:** “Không phải ngay trong Định tương ứng Ý thức kia mà có thể nắm lấy âm thanh này”, nghĩa này có ý nói rằng: Nghe âm thanh trong Định, từ Định khởi lên Nhĩ thức cùng với Ý thức đồng thời chuyển, nhưng Ý không cùng với Nhĩ thức đồng duyên một cảnh, cho nên nói “không phải Định định tương ứng Ý thức có thể nắm lấy âm thanh này”.

Hỏi: Như kinh Giải Thâm Mật ghi: “Như Nhãn thức... khi tùy một Thức mà khởi, thì chắc chắn cùng với Ý thức đồng thời chuyển”, ở đây

thì tại sao Nhĩ thức chỉ khởi một mình, Ý thức không đồng duyên?

Đáp: Kinh đó căn cứ năm Thức đồng thời trong Tán tâm, thường hằng đồng thời chuyển, cho nên phải có Ý thức.

Hỏi: Như thế thì Đối Pháp quyển 7 tại sao nói là vì trong Định không có năm Thức?

Đáp: Luận đó thì căn cứ theo Định không có năm Thức mà nói. Lại nữa, hoặc căn cứ theo năm Thức trong cảnh Định mặc tình tùy ý, thì tức là không khởi, hoặc tăng thêm cảnh mới trước mắt. Như đoạn văn này thì trong Định có Nhĩ thức, theo Đại Nghĩa thì có một giải thích này. Lại nữa, nói: “Trong Định xưa nay không có năm Thức”, là sai.

Hỏi: Như Tán tâm, căn cứ theo Định tâm thì cũng có năm Thức cùng với Ý thức đồng duyên hay không?

Đáp: Không, vì nắm lấy cảnh được rõ ràng thì chắc chắn là Hiện lượng, nếu có duyên riêng biệt thì tức là trái với Tập Lượng luận... năm Thức đồng với Ý thức là lỗi Hiện lượng, vì Ý thức của Tán tâm vị không đồng thời thì năm Thức không khởi, hoặc như vậy hoặc khởi thì chắc chắn phải đồng thời, không đồng ở trong Định nghe cảnh thô mạnh, cho nên Nhĩ thức có thể duyên Ý thức trụ vững một cảnh, không cùng nhau đồng duyên.

**Luận ghi:** “Nếu không như thế thì Nhĩ thức đối với âm thanh này không lãnh thọ, cho nên không cần xuất Định...”, là Tát-bà-đa bộ, trong Định không có năm Thức, luận này phá Bộ đó nói: “Nếu trong Bất định mà khởi Nhĩ thức duyên âm thanh mà thôi, thì đối với âm thanh này, trong Định đã không lãnh thọ, thì không nên sau đó được xuất Định, mà trụ trong Tán tâm, nếu Nhĩ thức ở trong Định, tức là không phải khi nắm lấy âm thanh thì Ý thức liền xuất Định, mà phải Nhĩ thức lãnh thọ âm thanh, đã Ý thức có hy vọng thì sau đó mới có xuất Định. Lại nữa, khi Nhĩ thức nắm lấy âm thanh thì ở trong Định, không phải khi nắm lấy âm thanh thì liền xuất Định, ở ngoài Định mà nắm lấy âm thanh thì chỉ cần một mình Nhĩ thức, trong Định lãnh thọ âm thanh rồi thì có hy vọng, sau đó Ý thức mới xuất Định. Những điều này gồm cả Định, đều có các luận gia năm Thức giải thích, luận này thì giải thích như Biệt sao và Đối Pháp quyển 7.

Trong Hữu tâm địa, ghi rằng: “Ví như sóng nước nướng vào dòng thác, hoặc như ảnh tượng nướng vào gương sáng”, như quyển 51 nói có hai giải thích:

1. Thắng nghĩa đế, là tám Thức chung một Thể, như sóng không lia nước.

2. Thế tục đế, là tám Thức mỗi mỗi đều riêng biệt, vì ứng dụng của sóng khác nhau. Như nghĩa của hai sư trong Nhiếp luận, lấy văn này làm chứng cho nghĩa của Đại sư.

A-lại-da tương ứng với Thọ, gọi là Dị thực, cùng với Đối Pháp quyển 1 trái nhau, như luận kia giải thích.

Luận ghi: “A-lại-da thức không có Phiền não”, đây là lựa riêng với không có lý do, Tư căn cứ theo đây có thể biết, nhưng có đủ Kế độ phân biệt thì có thể thành Pháp chấp, Thức thứ tám và thức năm không có Kế độ phân biệt này cho nên không có chấp.

Hỏi: Thức thứ năm và thức tám không có hai loại Kế độ, đều không có Pháp chấp, Pháp chấp không có nghĩa đã đồng nhau, thì năm Thức đáng lẽ không có Phiền não?

Đáp: Năm Thức cũng còn Ý thức dẫn phát, cho nên có Phiền não.

Hỏi: Cũng đáng lẽ do Ý dẫn thì cũng được gọi là có Pháp chấp?

Đáp: Pháp chấp do Kế độ, do tâm lợi căn của Kế độ dẫn phát, cho nên không thể sinh phiền não, nếu có độn căn dẫn phát thì được khởi.

**Luận ghi:** “Mạt-na mặc tình tùy ý tương ứng với bốn Hoặc, cho đến với Bất cộng vô minh...”, Chánh Pháp Tạng ghi: “Nếu Kiến đạo, Phiền não, Vô minh gọi là Bất cộng, thì không cùng với Hoặc tương ứng, gọi là Bất cộng thì Mạt-na, Vô minh trong Tu đạo thông với địa vị của ba tánh mà khởi, do đó gọi là Bất cộng. Không phải không cùng với Hoặc tương ứng, như Nhiếp luận ghi: “Như mười tám pháp Bất cộng cho đến hành sáu Thức không cùng với Mạt-na thức, đáng lẽ gọi là Bất cộng...”. Lại nữa, giải thích lấy Nhất loại tương ứng, không đồng với các Thức, gọi là Bất cộng. Hộ Nguyệt nói: “Như trong sáu Thức, khi Phiền não duyên ngoại cảnh, vì duyên cảnh rõ ràng cho nên Kiến và Ái mạnh mẽ, đồng thời với Vô minh, chỉ gọi là Tương ứng”. Mạt-na duyên bên trong mà mê chấp, vì duyên cảnh không rõ ràng, cho nên lực Vô minh mạnh mẽ, lực của Kiến, Mạn... yếu kém, Vô minh làm Dụng thù thắng cho nên gọi là Bất cộng, tuy có Kiến, Mạn... tương ứng nhưng không gọi là Tương ứng, nhưng chỉ đối với Tiểu thừa mà lập các Kiến, Mạn này làm Bất cộng, như Nhiếp luận rộng lập nói rằng: “Như mười tám pháp Bất cộng... Hỏi: Tại sao trong Mạt-na bất cộng với Kiến, Mạn và Ái? Đáp: Vì chỉ đối với Tiểu thừa, cho nên thiên về Vô minh mà được tên là Bất cộng, không phải Kiến, Mạn... duyên tướng mà làm Ngã sở, Kiến phần chính là Ngã”. Nghĩa của sư Hộ Nguyệt chỉ duyên làm Ngã mà không phải làm Sở, điều này nói chung là nghĩa Chánh pháp tạng, tức

là làm Ngã trong nhà Ngã, là nghĩa của Hộ Pháp.

**Luận ghi:** “Hoặc Nhất thiết chủng này của chư Vô học đều không hiện hành”, là hai giải thích Nhân chấp và Pháp chấp trong luận này. Hộ Nguyệt nói: “Mạt-na chỉ có Nhân chấp, Vô lậu quán của Nhị thừa chỉ có Thức thứ tám, Thức thứ bảy thì xưa nay không có”. Luận sư Giới Hiền nói: “Pháp chấp cũng có”, đây là căn cứ theo Pháp sở chương, tức là chỉ có Nhân chấp cho nên nói là không hiện hành, không phải Pháp chấp cũng bị diệt mất, như Phật Địa luận ghi: “Nhất loại này không có thô tế, đồng thời đoạn nhanh chóng, vì không chương ngại Trị đạo của Hữu học, cho nên Kim cương tâm đoạn.

-----

**BẢN LUẬN 64**

**Luận ghi:** “Tại sao tùy niệm mà Tam bảo sai biệt? Phải lấy tướng tùy niệm Phật bảo...”, cho đến “là Phật Thế Tôn...”, là Phật lấy Biệt tướng mà niệm, tức là lấy đức tướng Nhất thiết trí, mười Lực, bốn Vô úy... mà niệm Phật bảo, lấy tướng Diệt tận, Ly dục, Vô vi Niết-bàn... khác mà niệm Pháp bảo, lấy tướng công đức của Vô tránh... mà niệm Tăng bảo, các pháp khác tức là tự tướng Tam bảo mong làm các pháp khác, là các tướng khác ngoài Pháp và Tăng, làm Phật bảo. Những nghĩa sai biệt như vậy thì niệm Phật... gọi là các pháp khác. “Là Phật Thế Tôn...”, đây là nêu ra các tướng khác của Phật bảo, là Đại Nghĩa nói.

**Luận ghi:** “Lại nữa, Dục cầu, là cầu cảnh Ngũ dục, có năm thứ, một là Nhiếp thọ cầu... cho đến Hữu phương tiện cầu”,

1. Như vợ con làm Nhiếp thọ cho nên cầu
2. Như tài sản gạo thóc làm Thọ dụng cho nên cầu
3. Như nhạc cụ làm vui chơi cho nên cầu, ba thứ này có thể hiểu
4. Thiếu hiểu biết mà cầu, là vì hiểu rõ mà cầu hiểu biết; Danh thanh cầu, là cầu danh tiếng; Hữu cầu, tức là cầu thân Hữu lậu trong ba cõi, không đồng Tiểu thừa.

5. Pháp nhĩ cầu, là chúng sinh trong kiếp cuối cùng, pháp như vậy mà cùng sinh lên cõi trên.

Đại Nghĩa nói:

1. Pháp Nhĩ, tất cả chúng sinh cầu thân Hậu hữu.
2. Kỳ nguyện cầu, là cầu nguyện sinh lên cõi kia đắc quả kia...
3. Ngu si cầu, là ngoại đạo... cho rằng cõi trên là Niết-bàn cho nên cầu, vì là ngu si. Đại Nghĩa nói là ngu si mà cầu sinh cõi trên.
4. Chán lo mà cầu, là chán lo cõi dưới.

Đại Nghĩa nói là chán lo thân này mà cầu thân sau. Tư trạch cầu là có trí tuệ mà cầu lên cõi trên, không chấp là Niết-bàn. Đại Nghĩa ghi chọn lựa nơi đáng sinh mà cầu sinh. Phạm hạnh cầu có năm thứ, Duy cầu cầu là người muốn tu Phạm hạnh. Đại Nghĩa nói tổng tướng tâm cầu Phạm hạnh. Lại nữa, chỉ có cầu tâm nhưng chưa có thể phát khởi, vì Phạm hạnh khó cầu, cho nên chưa có thể tu hành. Thú đắc cầu, là khởi nhân tu hành gọi là Tu đắc. Đại Nghĩa nói: “Cầu riêng một sự gọi là Thú đắc cầu”, là tiến đến đắc mà cầu. Hiện đắc cầu, là tu Phạm hạnh hiện đắc quả. Hậu đắc cầu, là cầu Hậu đắc quả. Tư trạch cầu, là người có trí cầu đắc Niết-bàn mà tu Phạm hạnh, vì cầu Phạm hạnh để làm nhân của đạo. Lại có Giả danh đệ nhất nghĩa cầu trong sai biệt, Đại

Nghĩa nói: “Giả danh cầu là một, tức là ngoại đạo... Đệ nhất nghĩa... là một”. Lại nữa, “Giả danh đệ nhất nghĩa... là một”, là Tà phạm hạnh, Giả danh đệ nhất nghĩa cầu chính là Phi phạm hạnh. Quán sát cầu, là Chân phạm hạnh, vì quán sát có thể xả bỏ có thể ưa thích pháp mà cầu. Vô phương tiện cầu, là Tà cầu giải thoát. Hữu phương tiện cầu, là hiện tại cầu Chân giải thoát.

**Luận ghi:** “Đại Nghĩa ghi hoặc ba lớp Tục đế, hoặc bốn lớp Tục đế”, đây là hai Đế môn, là Tục đế có bốn môn, Thắng nghĩa đế cũng vậy, trong Thế tục, một là Giả danh vô thật đế, hai là Tùy sự sai biệt đế, ba là Chứng đắc an lập đế, bốn là Giả danh vô tác đế. Nói rằng Giả an lập gọi là Thắng nghĩa đế, mà không có Pháp thể, vì Pháp thể không thể nói, văn này chỉ có bốn lớp của Tục đế, không có Thắng nghĩa đế. Trước lập ba lớp, là vì có pháp thích hợp. Sau lập bốn lớp, là Giả danh an lập. Ấn Độ có lập bốn lớp Thắng nghĩa cũng vậy, tương đối như trước đã nói:

1. Thế tục thắng nghĩa đế, Thế là Đạo lý thế tục ở trước, là Thắng thế tục đế cho nên gọi là Thắng nghĩa, lập ra nhân quả của pháp sai biệt, là tánh Y tha... cho nên gọi là Thế tục.

2. Đạo lý thắng nghĩa đế, Thế là Chứng đắc thế tục ở trước, có nghĩa là đắc quả đoạn Hoặc, cho nên gọi là Đạo lý, vì vượt hơn Đạo lý thế tục ở trước cho nên gọi là Thắng nghĩa, chính là cương vị của Thập địa...

3. Chứng đắc thắng nghĩa, Thế là Thế tục thắng nghĩa ở trước an lập làm Danh thắng nghĩa, có thể chứng đắc nghĩa cho nên gọi là Chứng đắc, vì hơn Chứng đắc thế tục ở trước cho nên gọi là Thắng nghĩa.

4. Thắng nghĩa thắng nghĩa, tức là Phi an lập đế, Thế của Chân như là pháp bất khả an lập, cho nên gọi là Thắng nghĩa. Chứng đắc trí của Thanh văn thừa, trong chứng đắc có chín Trí, không vượt hơn Thắng nghĩa thế tục thắng ở trước cho nên gọi là Thắng nghĩa. Trong Thế tục ở trước chỉ là Thế tục đế thứ nhất.

**Luận ghi:** “Trong ba hạng người Độc giác, một là trước đã đắc Thuận quyết trạch phần, hai là Chứng đắc vị đắc, ba là Chứng đắc chứng đắc”, hai hạng người trước là thành Chứng xuất, vì trước đã đắc Noãn, Đảnh... của Thanh văn, khi nhập quả thì gấp, không thể có nhiều thời gian tu tập, cho nên thành Chứng xuất. Hoặc trong Quyết trạch phần chưa có Định sinh, có nhiều thời gian và cơ hội nhập Kiến đạo, ở tại cương vị Quyết trạch phần hồi tâm mà thành Độc giác, và người chưa đắc Quyết trạch phần thiện cũng vậy, vì càng có thời gian lâu để tu



tập thì luyện căn linh lợi, trong đây đều gọi là Vị chứng đắc chứng đắc, như Đối Pháp sao quyển 13 giải thích, trước đó nói rằng: “Chứng đắc, tức là Quyết trạch phần thiện gọi là Chứng đắc”, vì đã có thể chứng chân, đắc Vô lậu. Kiến đạo... tức là Chứng đắc chứng đắc, như người chưa đắc quả thì gọi là Vị chứng đắc chứng đắc, cũng nói là chưa đắc quả, hoặc là Hưởng thứ ba ở tại Giải thoát phần vị, hai hạng người trước thì khác.

**Luận ghi:** “Là chỗ nhiếp của Ma-đát-lý-ca”, tức là mười bảy Địa và bốn loại Nhiếp. Ma-đát-lý-ca gọi là Bản mẫu nghĩa, như mười bảy Địa tức là bốn loại của Bản Địa phần. Nhiếp tức là bốn phần sau, giải thích nói rằng: “Trong kinh Phật Bản ghi: Mười bảy Địa và bốn Nhiếp, Di-lặc vì ngài Vô Trước mà nói”, tức là Bản Phật thuyết gọi là Bản mẫu. Lại nữa, giải thích Di-lặc tức là Phật, vì Vô Trước mà thuyết mười bảy Địa và bốn loại Nhiếp, tức là Bản mẫu, gọi là Ma-đát-lý-ca. Hai Sở nhiếp, tổng hợp hai loại trước mà có mười chủng loại này, tức là Tạng và Bản mẫu. Mười chủng loại: Thứ nhất là Đế tướng giáo, tức là nói về hai Đế tướng của bốn Đế; Tri khổ, Đoạn tập, Chứng diệt và Tu đạo, bốn loại này hợp với một loại trên là năm chủng loại. Phẩm loại sai biệt của bốn Đế là chủng loại thứ sáu; Sở y, Năng Y là chủng thứ bảy. Sở y có hai giải thích: một là Sở y là nhân, tức là Tập đế và Đạo đế; Năng y là quả, tức là Khổ đế và Diệt đế. Hai là bốn Đế lý là Sở y, y theo lý này mà nói thì giáo là Năng y, tức là Năng thuyết và Sở thuyết tương xứng với giáo; Biến tri... Chương pháp giáo là chủng thứ tám, tức là nói Khổ đế và Tập đế chương pháp; Thuận pháp giáo là chủng thứ chín, tức là nói ngôn giáo của Đạo đế và Diệt đế; ngôn giáo công đức, ngôn giáo tội lỗi của Biến tri và Bất biến tri... là chủng thứ mười. Bất biến tri... tức là ngôn giáo tội lỗi, tức là chương của Biến tri khổ đế... ở trước, vì không phải là Biến tri thiện cho nên gọi là Bất biến tri. Công đức của Biến tri gọi là ngôn giáo của Biến tri... tức là Thuận giáo pháp ở trước. Thế tục thế tục chứng giáo, là tướng và tên gọi khác nhau. Thắng nghĩa đế giáo, là bốn Thánh đế và Chân như. Trong đây không luận Chánh tri, vì nếu là Hữu vi thì có thể làm Thế tục, nếu là Vô lậu trí thì có thể gọi là Thắng nghĩa, cho nên không luận riêng về nó, đến phần Năm pháp thì sẽ hiểu.

“Thăng-nhiếp-ba”, là tên cây, Cựu dịch rừng Thân-thức là sai, tức là Phật bảo A-nan lá cây trong rừng các nơi lớn nhỏ, là cây này, Phật ngồi tại gốc cây, thì A-nan không phải ở trong rừng.

Mười sáu Ý thú, lấy hai pháp Dục và Thắng giải làm Thế, tức thứ

nhất Ý lạc; thứ hai Quai ly là chán lia sinh tử, tức là nghịch lia sinh tử; thứ ba Phát tâm khuyến đạo... thứ tư Giải thoát phần vị; thứ năm Quyết trạch phần vị; thứ sáu khiến cho nhập Kiến đạo; thứ bảy Chánh nhập kiến đạo; thứ tám Đắc quả thành thực; thứ chín Đắc quả rồi tu Định; thứ mười khiến cho đắc quả Vô học; thứ mười một khiến cho chúng sinh dần dần nhập vào Biệt ý của Phật, như Nhiếp luận quyển 12, khiến cho chúng Biệt ý ở trước. Các Ý thú còn lại có thể hiểu.

Bốn Định trí, là bốn hạnh của Khổ đế, tức là Khổ, Vô thường, Không, Vô ngã, là bốn Điền đảo định câu trí. Vì Sinh, có nghĩa là lia Uẩn riêng có pháp để sinh. Vì Ngã sinh tướng, là Thể tướng trạng của Ngã và nghiệp dụng... có thể hiểu.

**Luận ghi:** “Tại sao Đạo đế là Tư lương đạo, Phương tiện đạo, Thanh tịnh đạo, gọi là Đạo đế”, đồng với Đối Pháp quyển 8, cũng như Đối Pháp quyển 4, trong Kiến đoạn và Tu đoạn mà nói là Đoạn. Tám Phương tiện đạo... của Đạo đế... là Hữu lậu cho nên thuộc Tu đạo đoạn, rộng như Đối Pháp sao nói.

**Luận ghi:** “Lại nữa, ngay tại các Đế làm chỗ căn cứ, làm chỗ nương dựa, làm nơi Kiến lập”, lập ra mười ba loại Bồ-đặc-già-la để giải thích, sáu Khổ đế là Y quả, Tập đế là Y nhân, Đạo đế làm Kiến lập xứ, vì đắc thành Hữu học... trong đây không lấy Diệt đế, vì là Vô vi. Lại nữa, giải thích các thông ngữ này, “cứ, y, kiến lập”, tức là một vật, không thể phối hợp riêng, chính là pháp của ba Đế, hoặc bốn Đế dùng để chứng đắc Vô vi... vì phương tiện kiến lập sai biệt. Bồ-tát trong đây không sinh cõi Vô sắc, đều như Đối Pháp sao 13 giải thích, thân Như Lai xưa nay là Vô lậu, vì ra khỏi ba cõi, gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

**Luận ghi:** “Sáu Chương ngại chương, là mười một chương ngại tùy mỗi một chương hiện tiền”, tức là mười hai Chương này trừ ra Chương thứ sáu, lấy năm chương trước và sáu chương sau hợp chung là mười một Chương, để làm Chương thứ sáu này lại càng không có Thể riêng.

**Luận ghi:** “Sai biệt trong đây là Căn, là quả Tánh giới, là nhân Tánh tín giải, là nhân tánh Ý lạc, là quả”, hai loại Căn và Giới, hoặc nhiễm hoặc tịnh, tùy chỗ thích ứng mà thông dụng với năm Căn như Tín v.v... và năm Thọ căn cùng với Ý căn làm Thể, chỉ có Hiện hành gọi là Căn, chủng tử gọi là Giới. Đại Nghĩa ghi: “Hoặc mới tu chưa đầy đủ thì gọi là Giới, là tăng thượng nghĩa cho nên nói là Nhân, đã đầy đủ thì gọi là Căn, là tăng thượng nghĩa cho nên gọi là Quả, nói chung là quả nhân, nhưng mà Thể thì không riêng khác. Tín giải và Ý lạc cũng như các luận nói, đều lấy hai pháp Dục và Thắng giải làm Thể, hoặc nhiễm

hoặc tịnh đều đồng, cũng không khác nhau, chỉ có Tín giải là nhân, Ý lạc là quả, tức là Chung tử gọi là Tín giải, Quả gọi là Ý lạc, đây là văn làm chứng của các luận. Đại Nghĩa ghi: “Tức là khi mới khởi Tín... thì gọi là Tín giải, cho nên là Nhân; sau khi khởi Tín giải rồi thì gọi là Ý lạc, cho nên là Quả”, không phải phỏng theo Chung tử... mà giải thích, nghĩa này là như vậy.

**Luận ghi:** “Tà tánh, Tà định và Tà tụ lại có hai loại: một là Bản tánh tà tánh định, hai là Phương tiện tà tánh định”. Loại thứ nhất là người Vô chủng tánh, loại thứ hai là người Đoạn thiện căn, thông với Hữu tánh và Vô tánh. Đại Nghĩa nói: “Thiện lại tiếp tục thì chưa phải là Tà kiến Tà tụ tạo nghiệp Ngũ nghịch”, vì quyết định là Tà định. Đại Nghĩa nói: “Chánh tánh định có hai loại: một là Bản tánh chánh tánh định, hai là Phương tiện chánh tánh định”, loại thứ nhất thì ba Thừa vốn sẵn có, mỗi mỗi đều khác với người Quyết định tánh, loại thứ hai thì người này đã nhập Thánh đạo trở đi. Đại Nghĩa nói: “Bất định cũng có hai loại: một là Bản tánh bất định, hai là Phương tiện bất định”, loại thứ nhất là người ba Thừa tánh vốn sẵn có, trong một thân người mà có chủng tánh của ba Thừa, loại thứ hai Phương tiện bất định, trước đã giải thích rồi, Thánh đạo đã như vậy, bắt đầu hồi tâm hướng Đại thừa... mà nhập phương tiện cho nên không nhất định, gọi là Phương tiện bất định. Người thứ nhất khi là phạm phu thì có chủng tử ba Thừa, hoặc tức là hồi tâm, hoặc tổng quyết định là người Bất định, là cương vị của nó bất định, người thứ hai tánh tức là Định cũng vậy, người tánh Bất định này là một người, hoặc có đủ chủng tử của ba Thừa, hoặc chỉ có hai chủng tử...

**Luận ghi:** “Lại nữa, hoặc đối với Chân nghĩa lý môn kia tùy quyết định rõ ràng, phải biết có thể nhập năm loại Ly sinh...”, Ấn Độ gọi Túc thực là Sinh thực, như người Túc thực thì không tiêu hóa tại thân, liền có thể thành hoạn nạn, Phiền não của Kiến đạo cũng vậy, ở tại thân cùng với hữu tình khởi hoạn nạn sinh tử, hoạn nạn tử hiện tại đã được đoạn, cho nên gọi là Ly sinh, tức là Cự dịch là Siêu thăng ly sinh. Năm loại này đều nhập Kiến đạo, ba loại người đầu là Thanh văn, người thứ nhất là Thứ đệ, hai loại sau là Siêu việt, có thể biết là Độc giác và Bồ-tát, đều gọi là Ly sinh.

**Luận ghi:** Lại có năm loại Hữu ái:

1. Pháp tánh ái, tức là khi đến kiếp cuối cùng, pháp như vậy mà ưa thích sinh lên cõi trên, như Pháp nhĩ...

2. Thệ nguyện ái, không phải ngoài lúc này mà thệ nguyện sinh

lên cõi kia.

3. Ngu si ái, tức là ngoại đạo cho rằng cõi kia là Niết-bàn.

4. Yếm ly ái, là khắp các phàm phu đều chán cõi dưới ưa thích cõi trên.

5. Tư trạch ái, là bậc Thánh sinh lên cõi kia, là hạng người Định tuệ thượng lưu.

Đại Nghĩa ghi: “Luận này nói Hữu ái, chưa chắc là duyên hai cõi trên, chính là duyên nội trong thân Hữu lậu. Pháp tánh ái, tức là mặc tình tùy ý ưa thích, như Thức thứ bảy chỉ có Tà ái. Thệ nguyện ái, như phát nguyện rằng là ta quyết định mong muốn phải được thân... như vậy như vậy. Ngu si ái, tức là Vô minh tăng thêm Ái hoặc sinh tử, cũng như ngoại đạo cầu sinh Thiên. Yếm ly ái, là luận nói rằng “đối với Xả pháp ái, không có hổ thẹn”, tức là xả bỏ thọ pháp không có hổ thẹn, tức là người xả này chán sự này ưa sự kia. Tư trạch ái, cũng như Tư trạch nói rằng “trời người là thù thắng, pháp của ta sinh về đó”, cũng là loại ưa thích thế lực.

**Luận:** Trong giải thích ba loại hình... của Hữu lậu đều như vậy, nói: “Hữu lậu có năm tướng”, ba loại trước tức là ba cõi, hai loại sau thì ở tại năm nẻo, nẻo ác thì gọi là không có Dục lạc có Phiền não, nẻo thiện gọi là có Lạc có Phiền não, sinh vào có Lạc có Phiền não kia, trong đây chỗ duyên năm Trần của Dục lậu cõi Dục, hoặc là duyên cõi Dục của nội thân mà khởi Phiền não, gọi là Hữu lậu, thân Hữu lậu... tăng thượng mà nói, là chỉ ở tại nội thân, vì Dục trần phần nhiều là ở bên ngoài. Đại Nghĩa ghi: “Hai cõi trên gọi là không có Dục lạc Phiền não, cõi Dục gọi là có Dục lạc Phiền não, trong đây Vô minh lậu chỉ lấy sáu mươi hai Kiến tương ứng Vô minh, chỉ có tại cõi Dục, sáu mươi hai Kiến này gọi là Chướng giải thoát... như quyển 89, lấy Vô minh làm chủ, đây là nói Vô minh, nhưng thật ra là Kiến, cũng như quyển 89 nói. Nhưng trong đây chỉ nêu ra Phân biệt kiến của Hậu tế, không nêu ra Kiến của tiền Tế, vì luận nói: “Nếu là Dục vô minh lậu, thì Dục có nghĩa là mong muốn”, duyên về Hậu tế mà khởi mong muốn là thù thắng, không phải duyên Tiền tế, Kiến không phải là Vô minh lậu, tức là như quyển 89 nói.

**Luận ghi:** “Tướng, là do Sở y mà hành trụ”, cũng như Thức, trong đây căn cứ theo một nghĩa không trái nhau, lấy Căn làm Sở y, lấy cảnh giới làm Sở hành trụ, tự phân biệt rõ mà quán đối với Thức... pháp còn lại có thể tùy. Lại nữa, giải thích: “Các chú thuật ác của Bà-la-môn gọi là Thính văn cứu cánh”, Bà-la-môn kia nói: “Chú này của ta chỉ nghe

thì liền được công đức, làm việc đều tốt ráo, không thể giải thích”.

**Luận ghi:** “Một chữ Thông đạt, thông đạt làm Thường”, tức là như chữ Kha-a biết là Thường, không thể chuyển đổi, vì đây là gốc của chữ. “Nghĩa của chữ Thông đạt đạt làm Vô thường”, tức là nghĩa chỗ làm chứng của chữ, có thể chuyển biến tùy theo phương xứ mà nghĩa đó lập ra, cho nên gọi là Vô thường, như Nhãn gọi là Nhãn, cũng gọi là Chiếu liễu đạo... tức là nghĩa chỗ làm nhân của chữ, là Vô thường, cho nên biết thì gọi là Danh cú... cũng là Vô thường, vì có thể chuyển đổi. Lại nữa, nhân... của chữ này, là nghĩa các Hành vô thường, cho nên Danh nghĩa vô thường.

-----

## BẢN LUẬN 65

Ngay trong Tư tuệ địa, hai quyển có nói hết, quyển sau trở lại thuyết minh hai mươi chín Đoạn vị, cuối quyển sau lấy hai mươi chín Đoạn vị trở lên, tìm xuống thì căn cứ theo đây mà biết.

**Luận ghi:** “Hữu, Phi hữu, Tự và Thức, như Bản Địa nói”, Hữu vi và Vô vi làm Hữu, Vô ngã và Vô ngã sở làm Phi hữu.

**Luận ghi:** “Hoặc do Thật vật, do Sự, do Nghĩa...”, có người giải thích nhân thứ nhất chứng Y tha hữu, nhân thứ hai này thì chứng Viên thành hữu, như những tên này, là Danh nghĩa riêng của Chân như, càng không làm đề mục cho pháp nào khác nữa. Lại nữa, giải thích ba chữ “cố” này, cũng là chứng Y tha, do Thật vật là lựa riêng với pháp tương tự, do sự là Thể sự, do nghĩa là nghĩa sai biệt, đều là Y tha khởi chờ đợi các chỗ nơi khác, gọi là Giả thật... như Đối Pháp quyển 3 ghi: “Chân như thứ nhất tức là đối với Sắc... làm chỗ nương, làm chỗ chờ đợi, Ngã... là giả cũng chờ nương vào Sắc... “Uẩn của Danh sắc...”, cũng là giả có, vì chờ các Sắc... khác mà thành tổng Uẩn. “Bỉ Ngạn rất xa, chấp rằng ta không vượt qua được, có bốn loại”, là chấp xa cùng cực không vượt qua được, trong bốn loại này, loại sau không hơn loại trước, mỗi mỗi đều khác, hãy xem! Không phải loại trước có thể hiểu được, bốn câu phân biệt bao gồm hết.

**Luận ghi:** “Nói nhân là nói nhân”, nhân là nguyên do, là ngoại đạo nói rằng: “Tức là có nguyên nhân trở lại cho nên không tăng trưởng, không có nguyên nhân cho nên không tăng trưởng”, tức là nhân theo nguyên nhân mà làm thành tông, trong luận này là Tỷ lượng, suy nghĩ thì có thể hiểu.

**Luận ghi:** “Nương vào Nhất tự”, Đại Nghĩa ghi: “Là Nhất tướng có thể đắc, không phải các pháp khác, không phải Nhất tự”, như trong bức tranh có nhiều các hình tượng.

**Luận ghi:** “Một là Bất cộng đại chủng tự, hai là Phi bất đại chủng tự”, như Bản Địa quyển 3... giải thích.

**Luận ghi:** “Lại nữa, tất cả Sắc thanh tịnh và Sở y là cảnh giới... bị nắm lấy của Thức kia”, là Định sắc này vi tế, không phải chỗ đắc của năm Thức... nhưng nếu biến hóa khiến cho thọ dụng, thì cũng được thấy, như quyển 55 trước giải thích, và Biệt sao. Sắc này giải thích rằng: “Một là do thân và Định tâm thứ sáu dẫn khởi Hữu lậu tác trong Thức thứ tám của tự nó biến hiện, khiến cho người khác nương vào đó mà thọ dụng, cho nên là Hữu lậu, nếu không như thế thì tự Thức thứ sáu của

nó là Vô lậu, do đó làm sao khiến cho người khác thọ dụng được! Hai là vì tự Thức thứ sáu của nó làm Tăng thượng duyên, người khác nương vào đó cũng biến thành Hữu lậu, không dựa vào tự Thức thứ tám của nó mà biến hiện. Như chư Phật, lẽ nào có tự Thức thứ tám của Ngài biến hiện Tịnh độ...”! Giải thích này là thù thắng, vì không đồng với các luận khác, chỉ có duyên của Tấn tâm, chỉ có cảnh của Định tâm, cho nên gọi là Vô kiến vô đối, không phải người khác không thấy.

**Luận ghi:** “Nếu các Hữu sự là chỗ hiện hành của Hiện lượng và là chỗ khởi của Hữu lậu tăng thượng”, câu này có ý tổng lấy năm Trần gọi là Sở duyên hữu lậu, là chỗ khởi Định có Tịnh và Tăng thượng, chỉ lựa riêng với lỗi, chỗ hiện hành của Hiện lượng lựa riêng với pháp trần và ba tánh tâm... như văn dưới nói.

**Luận ghi:** “Nếu nương vào Sắc thanh tịnh thì chỗ hiện hành của Thức gọi là Hiện lượng”, trong đây chỉ lấy năm Thức gọi là Hiện lượng, thật ra cũng chính là Ý đồng thời duyên, hiện tại nắm lấy Sở hành chính là năm Trần, cho nên không nêu ra Ý căn. Trước đã nói: “Hiện tại, gọi là Hữu sự”, luận này tổng quát nói rằng: “Là nắm lấy Sở hành của lý nghĩa... trong hiện tại”.

**Luận ghi:** “Nếu Sự hiện tại cũng không phải Sở hành của Hiện lượng, như Sắc thanh tịnh và tất cả Tâm, Tâm sở Nhiễm ô thiện, Vô ký, thì Sự hiện tại kia cũng không phải Sở duyên của Phiền não, cho nên gọi là Hữu lậu, chỉ do chỗ khởi tướng của tự Phân biệt khởi các Phiền não, không phải các pháp kia làm thành chỗ hiện hành cảnh của Phân biệt này mà nói”, câu này có ý nói Tịnh sắc và tâm Nhiễm ô thiện, Vô ký... không phải chỗ duyên của Phiền não, cho nên gọi là Hữu lậu, vì duyên Phiền não này chỉ do phân biệt của tự mình khởi tướng, mà khởi các Phiền não, các pháp Thiện, Vô ký... này liền sau đó mà sinh khởi thành Hữu lậu. Trong năm môn Hữu lậu này, môn thứ nhất là Tổng môn, môn thứ hai là Chung tử phiền não, môn thứ ba là Tâm, Tâm sở nhiễm ô, môn thứ tư là năm Trần, môn thứ năm là Tất cả. Tâm Thiện vô ký bên trong năm Căn, thân ngữ nghiệp, Biệt giải thoát giới và Khí thế giới bên ngoài, đều là chỗ dẫn của Phiền não, hoặc đang sinh, hoặc đã sinh, hoặc sắp sinh... cho nên gọi là Hữu lậu. Sắc và Vô sắc của tất cả pháp cũng có Thiện quả dị thực, cũng là văn trong đây đã lược bỏ, chỉ nói Bất thiện dị thực.

**Luận:** Trong giải thích năm loại Vô lậu, căn cứ theo năm nghĩa chưa chắc nhiếp hết, là Biệt giải thoát giới... không có chỗ căn cứ. Câu thứ hai nói rằng: “Có các pháp Tùy miên đoạn cho nên gọi là Vô lậu,

là vĩnh viễn đoạn chỗ có Thiện và một phần Vô ký tạo sắc của tất cả Phiền não, hoặc các Vô ký thế gian, Tâm, Tâm sở thiện... trong Kiến đạo và Tu đạo”, trong đây nói tức là pháp trong thân Vô học, nói rằng: “Tất cả phiền não đoạn các Thiện trong Kiến và Tu”, tức là thân nghiệp, ngữ nghiệp và giới. “Một phần Vô ký”, là thân nghiệp và ngữ nghiệp của thân Vô học vô ký, do trong thân Vô lậu, và lực của Vô lậu dẫn sinh, cho nên gọi là Vô lậu, không lấy các pháp khác cho nên gọi là “một phần”. “Các Vô ký”, là bốn loại tâm Vô ký, các pháp còn lại có thể hiểu, trong luận này lựa riêng với tâm pháp thứ nhất, có gì khác nữa thì cũng căn cứ theo đây có thể biết. Nhiều người đối với tâm pháp này cho rằng cũng tức là năm Căn, thì không đúng, vì không phải lực của Vô lậu dẫn sinh, vì chủng loại xưa cũ, cho nên không đồng thân ngữ nghiệp.

**Luận ghi:** “Tác ý của cõi Dục trói buộc Thiện, Nhiễm ô, Vô ký duyên tất cả pháp... trong ba cõi”, Thiện tâm trong đây có thể hiểu; Nhiễm ô tức là nói gồm luôn Hữu phú vô ký.

Hỏi: Thế nào là Hữu phú duyên ba cõi?

Đáp: Trong cõi Dục, Hữu phú chỉ có Câu sinh thân kiến và Câu sinh biên kiến, chỉ ở tại Thức thứ sáu, như văn trong luận, quán ba cõi làm một, đồng một loại... làm Ngã, các pháp khác thì không có khả năng này, thì càng không có tâm Hữu phú để duyên. “Vô ký duyên ba cõi”, tức là tâm Dị thực sinh tâm. Độc đầu phát khởi, và duyên tâm Uy nghi, Công xảo, sau đó Đẳng lưu dẫn sinh Dị thực sinh tâm, cũng gọi là duyên của Uy nghi tâm, Công xảo tâm. “Khấp như vậy mà duyên, không cầu, không nhiễm”, là Thức thứ tám cũng duyên ba cõi, vì là pháp của chủng tử.

**Luận ghi:** “Tác ý của cõi Sắc, Thiện duyên ba cõi”. Trong đây đáng lẽ nói Nhiễm tâm vô ký cũng tức là Nhiễm tâm là thế nào? Như quyển 59 nói: “Cõi Sắc tại Dục hạnh phiền não là cõi trên duyên Phiền não và duyên Mạn cõi dưới, và như Ngã kiến trong quyển 6 ở trước, vì vi tế và Dị thực vô ký tâm cho nên lược bỏ không nói. Cõi Vô sắc hoặc Định hoặc sinh khởi, ngoại đạo chỉ duyên Tự địa kế chấp làm Niết-bàn, như cho rằng Thức xứ là Niết-bàn, Thức chưa hiện hành thì đã đắc Không xứ, đang là Thiện tâm thì không duyên cõi trên. Lại nữa, có chín Vô ngại tâm, lẽ nào không có Thiện tâm không duyên cõi dưới! Câu đặc là kế chấp Niết-bàn của tự và tha mà nói, cho nên lược bỏ không luận. Trong câu “có chung Nhiễm tâm”, lẽ nào không duyên cõi trên! Hoặc cũng quyển 59 nói: “Vô sắc đối với Dục hạnh, Sắc hạnh và Niết-



bàn cũng được duyên cõi dưới”, không nói Phiền não hạnh của Vô sắc... vì dần dần đơn độc cho nên lược bỏ không nói. Căn cứ theo câu nói của ngoại đạo mà nói thì đồng với Đối Pháp, trong luận này thì Bồ-tát tu quán tại Địa tiền cũng duyên cõi dưới, vì nói Thiện tâm không chấp là cùng cực, cho nên được duyên Địa của cõi dưới. Không nói duyên cõi trên, vì sinh lên cõi trên, như hàng Hữu học chỉ lấy Đế mà quán, không lấy sáu hạnh mà ưa thích cõi trên, cho nên lược bỏ không luận. Bồ-tát từ Đa thanh văn mà luận, cũng không nói thật ra được duyên Địa cõi dưới hay không, trong luận này không luận các Nhiễm tâm này, cũng nên chất vấn nghiên cứu. “Lại nữa, Di sinh của xứ kia cũng không nói, cũng không nói duyên Vô lậu”, vì lấy cõi làm pháp, như Đối Pháp sao quyển 2, Hiền Dượng quyển 18 thì bất đồng, như luận kia mà hiểu.

**Luận ghi:** “Tên gọi soi rọi đối với tất cả”, tên gọi có hai loại:

1. Tên gọi bốn Uẩn, tức là văn dưới nói “do quán mà biết”, cho nên trừ Nhân chấp.

2. Tên gọi Danh tự, tức là văn dưới nói “biết danh này”, cho nên trừ Pháp chấp.

**Nói rằng:** “Tên gọi bốn Uẩn”, là có duyên khắp tất cả, sinh khởi khắp tất cả pháp. Nói rằng: “Tên gọi soi rọi đối với tất cả”, là Danh ngôn có thể làm đề mục cho khắp tất cả, danh soi rọi tất cả.

**Luận ghi:** “Hoặc là lược nói quán sát Thanh tịnh nhân”, tức là văn dưới nói “duyên danh này”, có thể biết Pháp và Nhân Vô ngã. “Hiển lý này để làm Tịnh nhân quán tự tướng”, tức là văn dưới nói “duyên hai thứ Danh”, cho nên Ngã tướng không thể đắc, tức là Tướng phần của hai thứ Chấp. “Hiện tại biết rõ sự đó mà người kia quán sát Nhiễm nhân”, tức là văn dưới nói “bất thiện liễu tri”, vì Danh này là nhiễm ô sinh khởi, tức là Kiến phần kia sinh khởi, cho nên tất cả pháp sinh. Lại nữa, giải thích hai loại Danh có ba nghĩa, cho nên Danh soi rọi tất cả:

1. Người quán Danh này đắc Thanh tịnh mà làm Tịnh nhân kia.
  2. Biết hai Danh duyên với tất cả pháp của tự nó.
  3. Biết hai Danh làm nhân của Nhiễm pháp.
- Có đủ ba nghĩa này là “Danh soi rọi tất cả”.

-----

## BẢN LUẬN 66

**Luận ghi:** “Nếu Thơ đoạn thực mà năm nẻo trong cõi Dục đều hiện tại có thể được, thì Đoạn thực này đối với mỗi mỗi phần đều là biệt Na-lạc-ca, không phải đại Na-lạc-ca”, Đoạn thực có thô và tế, thô thì khắp trong năm nẻo, như đoạn văn này nói, chỉ trừ đại Na-lạc-ca. Trong đại Na-lạc-ca, có Đoạn thực vi tế, như Bản Địa phần quyển 5 nói: “Trong Địa ngục có Đoạn thực vi tế”, là gió vi tế cho nên Đoạn thực ở khắp các Địa ngục. Đó là sư Thái giải thích.

**Luận ghi:** “Có sáu loại do Tác ý của thiện, bất thiện và Vô ký dẫn phát nghiệp đời trước, có thể lôi kéo các hạnh khiến cho trụ không dứt, gọi là chỗ sinh khởi của ngoại phần Cộng nghiệp và Bất cộng nghiệp”, là nghiệp của một Khí thể gian, như Bản Địa quyển 3 ghi: “Hoặc chiêu cảm một kiếp... khi tạo nghiệp này thì do Tác ý của ba tánh làm phương tiện dẫn nghiệp này sinh khởi, có thể lôi kéo các hạnh của Khí thể gian khiến cho trụ không dứt, như núi, sông... gọi là Cộng cộng sinh; ruộng, nhà... là Cộng nghiệp và Bất cộng nghiệp sinh, tức là sư Thái nói: “Có hai loại Cộng bất cộng, hai loại Cộng: một là Cộng trong cộng, như núi sông... Hai là Cộng trong Bất cộng, như nhà cửa... Hai loại Bất cộng: một là: Bất cộng trong Bất cộng, như Nhãn căn của tự mình, thì người khác không dùng để duyên được. Hai là Bất cộng trong Cộng, như Phù căn trần trong thân, làm cho người khác duyên tương tự. Trong luận này tức là hai đoạn văn “Cộng trong”.

**Luận ghi:** “Lại nữa, có chư hữu tình loại trường thọ, nếu không được ăn phi thời thì bị trúng yếu”, là loài rồng, hoặc trải qua nhiều kiếp đều do ăn mà trụ, không phải do các pháp khác. Bốn Niệm trụ phối hợp với bốn Thực... như lý mà tư duy.

**Luận ghi:** “Hương, Vị, Xúc khi đang tiêu hóa biến hoại thì liền có thể trưởng dưỡng...”, ba loại thô tế này, có nghĩa là Tăng ích và Tổn giảm, Thể của Sắc trần thì thô, không thể tăng hay tổn, hoặc khi các Đoạn vật bị nhai nuốt, khiến cho tâm ưa thích... lúc đó gọi là Xúc thực, Xúc này nắm lấy khiến cho tâm thích khoái, tức là Xúc tâm sở, làm Thể của Xúc thực, không lấy Trần làm Thể của Xúc thực.

